TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Diễm
2. Bà Lê Thị Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024 về vụ "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số:118/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Tường V, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Đội 4, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quãng Ngãi.(có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Tường V trình bày: Chị V và anh Trương Văn Đ do quen biết nhau tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quãng Ngãi cùng năm 2014. Sau khi kết hôn, chị V và anh Đ sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống và trong công việc, không

tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2015, chị V và con về sống tại nhà cha mẹ ruột tại Đ, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quãng Ngãi. Anh Đ sống tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau.

Nay, chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, chị V yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Chị V và anh Đ có một người con chung tên là Trương Thiên V1, sinh ngày 04/5/2014, hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị V chưa yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị V không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị V và anh Đ không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 16 tháng 5 năm 2024, cháu Trương Thiên V1 có lời trình bày: Cháu là con ruột anh Trương Văn Đ và chị Phạm Thị Tường V. Nếu chị V và anh Đ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị V.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Càng Long tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn Đ biết nhưng anh Đ vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có măt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường V.

Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Tường V được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Chị Phạm Thị Tường V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trương Thiên V1, sinh ngày 04/5/2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Phạm Thị Tường V khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Trương Văn Đ có nơi cư trú tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng*: Chị Phạm Thị Tường V và anh Trương Văn Đ đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:118/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên toà, chị V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Tường V và anh Trương Văn Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quãng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 1 ngày 23 tháng 12 năm 2014. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị V và anh Đ là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của chị V và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của chị V, anh Đ không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, chị V và anh Đ không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân. Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2024 đối với ông Trương Văn C là cha anh Đón, được ông C cung cấp ông có nhận thay cho anh Đ các văn bản tố tụng tố tụng của Toà án và có giao lại cho anh Đ biết để đến Toà nhưng anh Đ trả lời không đến Tòa. Theo ông thì hôn nhân của chị V và anh Đ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ lại vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 51, 56

Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V được ly hôn anh Đ.

[4]. *Về con chung:* Chị V và anh Đ có một người con chung tên là Trương Thiên V1, sinh ngày 04/5/2014. Cháu V1 có nguyện vọng được sống chung với chị V. Chị V cũng yêu cầu được được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì từ trước đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình tố tụng anh Đ không có ý kiến về việc nuôi con. Xét việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con, từ khi ly thân cháu V1 do chị V nuôi và được chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Do đó, để đảm bảo cho cháu V1 phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên giao cháu V1 cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V1.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình tố tụng, Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị V chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản:* Chị V không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ:* Chị V khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị V là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 3, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Tường V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường V được ly hôn anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Chị Phạm Thị Tường V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thiên V1, sinh ngày 04/5/2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Tường V chưa yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Tường V không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ: Chị Phạm Thị Tường V khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Tường V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003220 ngày 09 tháng 4 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị V đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Tịnh Châu, Tp Quãng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang